TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2023
V/v *tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Minh Thư

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng; ông Nguyễn Tất Thể

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2023/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 6, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Hà Lan. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng L, sinh năm 1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 6, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Cộng hòa liên bang Đức. Vắng mặt

3. Người tham gia tố tụng khác: Ông Nguyễn Trọng T (bố đẻ chị H); địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như các T liệu, chứng cứ đã thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Trọng L trình bày thống nhất như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trọng L tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 09/11/2018 tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống

với nhau tại phường N, thị xã H. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, thỉnh thoảng có tranh cãi, tuy nhiên vợ chồng vẫn giải hòa và chung sống hạnh phúc. Tháng 9/2020 do cuộc sống kinh tế khó khăn nên chị H và anh L thống nhất để anh L đi lao động nước ngoài cho đến nay chưa về Việt Nam. Thời gian đầu sau khi anh L đi nước ngoài, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Đến đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do khoảng cách về địa lý, mỗi người một nơi, thường xuyên bất đồng quan điểm, nghi ngờ lẫn nhau dẫn đến vợ chồng dần dần ít liên lạc với nhau. Đến tháng 6/2023 chị H đi lao động tại Hà Lan. Nay, chị H và anh L đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H và anh L đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trọng L có hai con chung là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 24/4/2019 và Nguyễn Bích T, sinh ngày 31/10/2020. Chị H và anh L đều thống nhất giao hai con chung cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh L không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trọng L đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Chị Nguyễn Thị H ủy quyền việc giao nhận T liệu tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Trọng T (bố đẻ chị H); địa chỉ: Phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Anh Nguyễn Trọng L ủy quyền việc giao nhận T liệu tố tụng của Tòa án cho bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh L); địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Ông Nguyễn Trọng T (bố đẻ chị H) trình bày: Hiện nay chị H đang lao động tại Hà Lan, ông xin được tự nguyện chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Thị Anh T và Nguyễn Bích T cho đến khi chị H về Việt Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Trọng L; Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 24/4/2019 và Nguyễn Bích T, sinh ngày 31/10/2020 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Trọng L không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con không được ai ngăn cản; Trong thời gian chị H chưa về Việt Nam ông Nguyễn Trọng T tự nguyện chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Anh T, Nguyễn Bích T cho đến khi chị H về Việt Nam. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét và buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Trọng L hiện đang sinh sống, lao động tại Cộng hòa liên bang Đức không có địa chỉ cụ thể. Tại công văn số 17771/QLXNC-P5, ngày 13/7/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Anh Nguyễn Trọng L, sinh ngày 08/10/1992 đã xuất cảnh gần nhất vào ngày 15/9/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh L trình bày vì điều kiện công việc, không thể có mặt trực tiếp để giải quyết vụ án và yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Chị H ủy quyền việc giao nhận T liệu cho ông Nguyễn Trọng T (bố đẻ chị H); địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Anh Nguyễn Trọng L ủy quyền việc giao nhận T liệu cho bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh L); địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Trọng L theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trọng L tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 09/11/2018 tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng mỗi người một nơi, thiếu sự chia sẻ cùng nhau và do bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống không có tiếng nói chung nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…nhưng cuộc hôn nhân của anh L và chị H không đạt được. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn"*. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trọng L.

[2.2] Quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trọng L có 02 con chung là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 24/4/2019 và Nguyễn Bích T, sinh ngày 31/10/2020. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi anh L đi lao động nước ngoài đến nay cháu ở với chị H, được chị H chăm sóc và nuôi dưỡng tốt, các cháu phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần. Sau khi chị H đi nước ngoài đến nay các cháu ở với ông bà ngoại. Ông Nguyễn Trọng T (bố đẻ chị H) tự nguyện chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu thay chị H

cho đến khi chị H về Việt Nam. Quá trình giải quyết vụ án chị H và anh L đều thống nhất giao hai con cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Trọng L không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai ngăn cản. Xét thấy sự thống nhất của các đương sự là phù hợp nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H cũng như sự tự nguyện của anh Nguyễn Trọng L.

[2.3] Về T sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 469, khoản 2 Điều 479, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Trọng L

2. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 24/4/2019 và Nguyễn Bích T, sinh ngày 31/10/2020 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh Nguyễn Trọng L không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cản. Ông Nguyễn Trọng T (bố đẻ chị H) tự nguyện chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi chị H về Việt Nam.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại biên lai số 0000524 ngày 16/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND phường N ;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Minh Thư